TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 415/2025/DS-PT Ngày 10 - 7 – 2025 V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình.

Ông Võ Ngọc Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 88/2024/DS-ST ngày ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp), bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 933/2025/QĐ-PT ngày 24/06/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Văn Á, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố T, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn*:

2.1. Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1973 (có mặt);

2.2. Bà Võ Thị Phúc C, sinh năm 1975 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố E, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Phòng C1 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số H N, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Bà Trần Thị Giao T, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố T, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo*: Bị đơn Nguyễn Hoàng D và Võ Thị Phúc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn Á trình bày: Ngày 29/6/2023, ông có mua nhà và đất của ông Nguyễn Hoàng D và bà Võ Thị Phúc C đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 2, diện tích 619,5m², loại đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 38, tờ bản đồ số 2, diện tích 122,7m², loại đất nuôi trồng thủy sản; thửa đất số 93, diện tích 125,6m², loại đất nuôi trồng thủy sản, địa chỉ nhà đất tại khu phố E, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang, được ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Phòng C1 theo hợp đồng số công chứng 3834 quyển số 08/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29 tháng 06 năm 2023. Ông đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với 03 thửa đất nêu trên.

Tại thời điểm giao nhà và đất kể trên thì ông D và bà C có xin được ở nhờ khoảng 02 tháng để tìm nơi ở mới. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay phía ông D và bà C rất nhiều lần xin hứa dọn đi, rồi lại thất hẹn không dọn ra khỏi nhà để giao nhà và đất cho ông. Việc làm của vợ chồng ông D và bà C đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Ông yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng D và bà Võ Thị Phúc C có nghĩa vụ giao trả cho ông nhà và 03 thửa đất gồm thửa đất số 95, tờ bản đồ số 2, diện tích 619,5m², loại đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CN03073 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G (nay là thành phố G) cấp cho ông ngày 09 tháng 04 năm 2024; thửa đất số 38, tờ bản đồ số 2, diện tích 122,7m², loại đất nuôi trồng thủy sản, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CN03074 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G (nay là thành phố G) cấp cho ông ngày 09 tháng 04 năm 2024 và thửa đất số 93, diện tích 125,6m², loại đất nuôi trồng thủy sản, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CN03075 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G (nay là thành phố G) cấp cho ông ngày 09 tháng 04 năm 2024.

Đến ngày 10/01/2025, ông Huỳnh Văn Á thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ông Á yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng

3834, quyển số 08/2023 TP/CC-SCC/HĐGĐ ngày 29/6/2023 giữa ông D, bà C với ông Á là vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng D và bà Võ Thị Phúc C cùng trình bày: Ngày 29/6/2023, vợ chồng ông bà có vay của ông Á số tiền 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*), lãi suất 3%/tháng, vợ chồng ông bà có cầm cho ông Á 03 thửa đất số 95, tờ bản đồ số 2, diện tích 619,5 m², loại đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 38, tờ bản đồ số 2, diện tích 122,7m², loại đất nuôi trồng thủy sản và thửa đất số 93, diện tích 125,6m², loại đất nuôi trồng thủy sản. Vợ chồng ông bà đã trả được 03 tháng tiền lãi với số tiền 126.000.000 đồng, cụ thể ngày 29/6/2023, trả cho ông Á số tiền lãi là 42.000.000 đồng, hai tháng tiếp theo vợ chồng ông đưa cho ông Nguyễn Tuấn K, không rõ năm sinh, địa chỉ số tiền 84.000.000 đồng để ông K đưa lại cho ông Á.

Vợ chồng ông bà đồng ý tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3834, quyển số 08/2023 TP/CC-SCC/HĐGĐ ngày 29/6/2023 giữa ông D, bà C với ông Á vô hiệu. Vợ chồng ông bà đồng ý trả số tiền 1.400.000.000 đồng vốn gốc và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng từ ngày vay 29/6/2023 đến ngày 06/12/2024, từ ngày ông Á khởi kiện ra Toà án vợ chồng ông xin không trả tiền lãi.

Theo Văn bản số 60/CC2 ngày 06/3/2025 của Phòng C1 về việc ý kiến đối với vụ án như sau: Phòng Công chứng số 2 tỉnh C1 (nay là tỉnh Đồng Tháp) đã kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại Phòng Công chứng đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng viên Phòng Công chứng số 2 tỉnh C1 (nay là tỉnh Đồng Tháp) chứng nhận số 3834, quyển số 08/2023 TP/CC-SCC/HDGD ngày 29/6/2023. Phòng Công chứng số 2 tỉnh C1 (nay là tỉnh Đồng Tháp) có ý kiến như sau:

Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 3834, quyển số 08/2023TP-CC-SCC HĐGD ngày 29/6/2023 được giao kết giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Hoàng D và bà Võ Thị Phúc C với bên nhận chuyển nhượng là ông Huỳnh Văn Á, tại thời điểm công chứng các bên tham gia hợp đồng đã tự đọc lại nội dung của hợp đồng, tự nguyện ghi "Đã đọc và đồng ý và ký tên, điểm chỉ vào hợp đồng trước mặt của Công chứng viên, đồng thời Công chứng viên đã kiểm tra giấy tờ, đối chiếu đầy đủ về nhân thân của các bên tham gia hợp đồng. Do đó, việc Công chứng viên Phòng Công chứng số 2 tỉnh C1 (nay là tỉnh Đồng Tháp) chứng nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật. Phòng Công chứng số 2 tỉnh C1 (nay là tỉnh Đồng Tháp) đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Toà án và các phiên xét xử của Toà án các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Giao T trình bày: Bà là vợ ông Á. Thống nhất lời trình bày của ông Á.

Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2025/DS-ST ngày 11/4/2025 của Toà án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là TAND khu vực 2 - Đồng Tháp) xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Á.

1.1. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3834, quyển số 08/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/6/2023 giữa ông Huỳnh Văn Á và ông Nguyễn Hoàng D, bà Võ Thị Phúc C tại Phòng C1 vô hiệu.

1.2. Buộc ông Nguyễn Hoàng D, bà Võ Thị Phúc C cùng có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn Á số tiền vay vốn còn nợ là 1.400.000.000 (Một tỷ bốn trăm triệu) đồng và tiền lãi là 488.040.000 (Bốn trăm tám mươi tám triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng, tổng cộng là 1.888.040.000 (Một tỷ tám trăm tám mươi tám triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng. Thời gian trả đến ngày 11/6/2025 là hoàn tất nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/4/2025, bị đơn Nguyễn Hoàng D và Võ Thị Phúc C có đơn kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp) sửa án sơ thẩm theo hướng xin trả số tiền 1.400.000.000 đồng và tiền lãi là 488.040.000 đồng trong thời gian từ 18 đến 24 tháng và xin không trả lãi phát sinh về sau.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Cụ thể, ông Nguyễn Hoàng D và Võ Thị Phúc C có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn Á tổng số tiền 1.846.040.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2025/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang (nay là TAND khu vực 2 - Đồng Tháp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý vụ án tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" là chính xác với yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt Phòng C1 dù được triệu tập hợp lệ. Xét việc vắng mặt của đương sự này không liên quan đến việc kháng cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt Phòng C1.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Hoàng D và Võ Thị Phúc C.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn đồng ý yêu cầu thay đổi của ông Nguyễn Hoàng D và bà Võ Thị Phúc C nên cần ghi nhận sự thoả thuận này của các đương sự, cụ thể: Ông Nguyễn Hoàng D và bà Võ Thị Phúc C có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn Á số tiền vốn và lãi tổng cộng là 1.846.040.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Sự thỏa thuận trên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng D và bà Võ Thị Phúc C, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án dân sự sơ thẩm: số 88/2025/DS-ST ngày 11/4/2025 của Toà án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp).

Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3834, quyển số 08/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/6/2023 giữa ông Huỳnh Văn Á và ông Nguyễn Hoàng D, bà Võ Thị Phúc C tại Phòng C1 vô hiệu là chính xác. Các đương sự không kháng cáo nội dung này. Tuy vậy, ông Huỳnh Văn Á đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất: thửa đất số 95, tờ bản đồ số 2, diện tích 619,5m², loại đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 38, tờ bản đồ số 2, diện tích 122,7m², loại đất nuôi trồng thủy sản và thửa đất số 93, tờ bản đồ số 02, diện tích 125,6m², loại đất nuôi trồng thủy sản. Ba thửa đất nêu trên cùng tọa lạc khu phố E, phường D, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (nay là Khu phố E, phường G, tỉnh Đồng Tháp) (bút lục 1-3). Do đó, để đảm bảo giải quyết toàn diện hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu, đảm bảo thi hành án, cần bổ sung nội dung: ông Nguyễn Hoàng D và bà Võ Thị Phúc C được quyền đăng ký kê khai đối với ba thửa đất này khi bản án có hiệu lực pháp luật. Vị trí, diện tích các thửa đất được xác định tại trang 3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CN03073, CN03074, CN03075 cùng ngày 09/4/2024 (có sơ đồ kèm theo). Cụ thể:

Vị trí thửa đất số 95, tờ bản đồ số 2, diện tích 619,5m², loại đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm được xác định như sau:

Đông giáp thửa đất 250, 251, 199;

Tây giáp thửa đất 47, 94, 96.

Nam giáp hẻm tổ F, khu phố E, phường D (nay là phường G);

Bắc giáp thửa đất 252.

Vị trí thửa đất số 38, tờ bản đồ số 2, diện tích 122,7m², loại đất nuôi trồng thủy sản được xác định như sau:

Đông giáp thửa đất 95;

Tây giáp thửa đất 94;

Nam giáp thửa đất 95;

Bắc giáp thửa đất 95.

Vị trí thửa đất số 93, diện tích 125,6m², loại đất nuôi trồng thủy sản được xác định như sau:

Đông giáp thửa đất 95;

Tây giáp thửa đất 96;

Nam giáp thửa đất 95;

Bắc giáp thửa đất 95.

Các nội dung khác của quyết định sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng D và bà Võ Thị Phúc C được chấp nhận nên ông bà không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 148, 296, 300, 313, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng D và bà Võ Thị Phúc C.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2025/DS-ST ngày 11 ngày 4 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là TAND khu vực 2 - Đồng Tháp).

Xử: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Á.

1.1. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3834, quyển số 08/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/6/2023 giữa ông Huỳnh Văn Á và ông Nguyễn Hoàng D, bà Võ Thị Phúc C tại Phòng C1 vô hiệu.

Ông Nguyễn Hoàng D và bà Võ Thị Phúc C được quyền đăng ký kê khai đối với ba thửa đất: thửa đất số 95, tờ bản đồ số 2, diện tích 619,5 m², loại đất ở

đô thị và đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 38, tờ bản đồ số 2, diện tích 122,7m², loại đất nuôi trồng thủy sản và thửa đất số 93, tờ bản đồ số 02, diện tích 125,6m², loại đất nuôi trồng thủy sản. Ba thửa đất nêu trên cùng tọa lạc khu phố E, phường D, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (nay là Khu phố E, phường G, tỉnh Đồng Tháp) khi án có hiệu lực pháp luật.

Vị trí thửa đất số 95, tờ bản đồ số 2, diện tích 619,5 m², loại đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm được xác định như sau:

Đông giáp thửa đất 250, 251, 199;

Tây giáp thửa đất 47, 94, 96.

Nam giáp hẻm tổ F, khu phố E, phường D (nay là phường G);

Bắc giáp thửa đất 252.

Vị trí thửa đất số 38, tờ bản đồ số 2, diện tích 122,7m², loại đất nuôi trồng thủy sản được xác định như sau:

Đông giáp thửa đất 95;

Tây giáp thửa đất 94;

Nam giáp thửa đất 95;

Bắc giáp thửa đất 95.

Vị trí thửa đất số 93, diện tích 125,6m², loại đất nuôi trồng thủy sản được xác định như sau:

Đông giáp thửa đất 95;

Tây giáp thửa đất 96;

Nam giáp thửa đất 95;

Bắc giáp thửa đất 95.

(có sơ đồ kèm theo).

1.2. Ông Nguyễn Hoàng D, bà Võ Thị Phúc C có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn Á số tiền vay vốn còn nợ là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi là 446.040.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng), tổng cộng là 1.846.040.000 đồng (Một tỷ tám trăm bốn mươi sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại ông Nguyễn Hoàng D, bà Võ Thị Phúc C số tiền tạm ứng án phí đã nộp phải chịu 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001369 ngày 22/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Đồng Tháp).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng D, bà Võ Thị Phúc C phải chịu 33.690.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Huỳnh Văn Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 600.000 đồng theo các biên lai thu số 0001089 ngày 29/10/2024 và số 0001284 ngày 14/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Đồng Tháp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 2 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 2 - Đồng Tháp;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2025-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ánh Phương